

ỦY BAN DÂN TỘC
Số: **307/QĐ-UBNDT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP, ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD, ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-UBNDT, ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về thành lập Ban quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng thuộc Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBNDT, ngày 08/3/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc Sáp nhập Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng vào Ban quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng; chuyển giao nguyên trạng Ban quản lý ứng dụng điện mặt trời cho khu vực miền núi và dân tộc ở Việt Nam vào Ban quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng (viết tắt là Ban Quản lý dự án) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban Dân tộc, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự đảm bảo chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý dự án thực hiện chức năng theo quy định tại Khoản 3 Điều 63 của Luật Xây dựng và Khoản 3 của Điều 17 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP

CP như sau:

a) Làm chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được giao.

b) Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng hoặc trực tiếp quản lý, khai thác sử dụng công trình hoàn thành theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

đ) Nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác khi được Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao và được đối tác yêu cầu.

e) Tìm kiếm và khai thác các công việc liên quan đến hoạt động xây dựng gồm: Lập quy hoạch xây dựng; lập báo cáo đề xuất xin chủ trương đầu tư; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; lập báo cáo nghiên cứu khả thi; tổ chức khảo sát, thiết kế xây dựng; giám sát xây dựng, quản lý dự án, lập hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và các hoạt động khác liên quan đến xây dựng công trình.

g) Thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc giao.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chủ đầu tư:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm của Ban Quản lý dự án, tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn và hàng năm về đầu tư xây dựng của Ủy ban Dân tộc.

b) Lập kế hoạch dự án: hàng năm lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện.

c) Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng gồm: Quy hoạch, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường; phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác.

d) Các nhiệm vụ thực hiện dự án: Thuê tư vấn hoặc tự thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định, phê

duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có) và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng và các công việc cần thiết khác.

d) Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử và đưa vào sử dụng; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và bảo hành công trình.

e) Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban quản lý dự án theo quy định.

g) Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp quản lý dự án:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng.

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

c) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

d) Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng được ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình.

e) Hợp đồng với các chủ đầu tư để giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

3. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác:

a) Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế, tài sản của Ban Quản lý dự án; thực hiện các chế độ tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ đãi ngộ, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý dự án.

b) Ký hợp đồng thuê khoán công việc đối với cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện một số công việc.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hoặc các cấp quyết định đầu tư ủy quyền trong quá trình quản lý thực hiện dự án (nếu có).

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm

giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án:

a) Lãnh đạo Ban Quản lý dự án gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc, trước mắt do tổ chức lại Ban Quản lý dự án số lượng Phó Giám đốc nhiều hơn; Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

b) Các đơn vị thuộc Ban Quản lý dự án:

- Văn phòng Ban Quản lý dự án;
- Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
- Phòng Kỹ thuật - Thẩm định;
- Phòng Tài chính - Kế toán.

Trước mắt thành lập 02 phòng: Phòng kế hoạch - tổng hợp và Phòng Tài chính - Kế toán. Tùy theo yêu cầu cụ thể về quy mô và tiến độ thực hiện các dự án, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Ban QLDA báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định thành lập các phòng ban chức năng khác.

c. Việc thành lập, sáp nhập và sắp xếp các đơn vị thuộc Ban Quản lý dự án thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc trên cơ sở đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Ban Quản lý dự án.

d. Giám đốc Ban Quản lý quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Ban Quản lý dự án.

2. Về biên chế:

a) Biên chế Ban Quản lý dự án được thực hiện theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt. Ngoài ra, Ban Quản lý dự án được thuê lao động hợp đồng để thực hiện một số nhiệm vụ được giao (Việc ký hợp đồng lao động phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật và được Lãnh đạo Ủy ban phụ trách phê duyệt). Giai đoạn đầu mới thành lập, Ban Quản lý dự án được Ủy ban Dân tộc bố trí một số công chức biệt phái từ các đơn vị thuộc Ủy ban sang để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

b) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật và theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển công chức lãnh đạo quản lý của Ủy ban Dân tộc.

c) Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với viên chức, người lao động

thuộc Ban Quản lý dự án do Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm hoặc trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

d) Việc bố trí công tác đối với viên chức của Ban Quản lý dự án phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo phẩm chất, năng lực, chuyên môn, bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đỗ Văn Chiến*

Nơi nhận

- Như Điều 5;
- Các bộ: XD, KHĐT, NV, TC;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm;
- TT, PCN UBĐT;
- Công TTĐT UBĐT;
- Lưu: VT, TCCB, BQLDA (05b). **43**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

